

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23/7/2018

V/v: Ly hôn, nuôi con sau ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lưu Danh Sử.

- Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2018/TLST-HNGĐ ngày 07/3/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21/6/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST ngày 06/7/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Châu L, sinh năm 1996; Địa chỉ: thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: anh Hồ Chí T, sinh năm 1988; Địa chỉ: thôn S, xã V1, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Chị L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2018, bản tự khai và quá trình cung cấp chứng cứ, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Châu L trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hồ Chí T kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã V1, huyện N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã V, huyện N được khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về mọi mặt, bản thân anh T nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Từ đầu năm 2016 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ

chồng đã thực trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

* Về con chung: chị và anh Hồ Chí T có 01 con chung là cháu Hồ Từ M, sinh ngày 14/02/2015 hiện nay cháu M đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu M. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đối với anh Hồ Chí T: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã ra thông báo và gửi thông báo thụ lý vụ án cho anh T theo quy tại điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Theo xác định của UBND xã V1, huyện N thì thời điểm chị Nguyễn Thị Châu L xin ly hôn với anh Hồ Chí T, anh T vẫn sinh sống tại thôn S, xã V1, huyện N cùng với cậu ruột anh T là ông Nguyễn Lương H; tại biên bản làm việc ngày 13/6/2018 ông H cũng xác định hiện anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã V1, huyện N. Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện N ông H đã nhận thông báo và gửi cho anh T; Anh T đã nhận và biết việc Chị L xin ly hôn với anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N có quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn anh Hồ Chí T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã V1, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các điều 28, 35 và 39 BLTTDS. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách tố tụng trong vụ án đầy đủ, chính xác.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 BLTTDS, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

Việc giao nộp tài liệu chứng cứ: thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 BLTTDS, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa:*

Phiên tòa hôm nay diễn ra theo thời gian với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đúng như trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS.

Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật không đến tham gia phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

- Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Châu L và anh Hồ Chí T.

Về con chung: Giao cháu Hồ Từ M, sinh ngày 14/02/2015 hiện nay cháu M đang ở với Chị L cho chị Nguyễn Thị Châu L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí Chị L nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: chị Nguyễn Thị Châu L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Hồ Chí T có địa chỉ: thôn S, xã V1, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện huyện N, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

+ Chị Nguyễn Thị Châu L có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt Chị L.

+ Anh Hồ Chí T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về nội dung khởi kiện:

- Quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã V1, huyện N đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

- Về yêu cầu khởi kiện: Chị L xác định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về mọi mặt, bản thân anh T nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2016 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh T không có mặt tại Tòa án và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Chị L. Mặt khác tại biên bản làm việc ngày 13/6/2018 ông H cũng xác định qua trao đổi với anh T, anh T cũng đồng ý ly hôn với Chị L. Như vậy, có đủ chứng cứ để khẳng định: Tình cảm vợ chồng và đời sống chung giữa Chị L và anh T không còn, quan hệ hôn nhân chỉ là hình thức, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị L là phù hợp với thực trạng diễn biến quan hệ hôn nhân giữa Chị L với anh T và phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là cháu Hồ Từ M, sinh ngày 14/02/2015 hiện nay cháu M đang ở với Chị L. Xét cháu M còn nhỏ hiện nay vẫn đang ở với Chị L, để đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu nên giao cháu M cho Chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ theo Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung; xét đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Châu L và anh Hồ Chí T.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Từ M, sinh ngày 14/02/2015 hiện nay cháu M đang ở với Chị L cho Chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn Chị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Anh T không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì Chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Khi cần các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị Châu L phải nộp là 300.000^d. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị L đã nộp 300.000^d theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000719 ngày 07/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

5. Quyền kháng cáo: Chị L và anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã V1;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình